

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 14 -02-2020

V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi

Con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Thẩm phán:

Bà Dương Thị Liên

Ông Nguyễn Tất Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 84/2019/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐXX-PT ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1 Nguyên đơn: Anh A, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Chị B, sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người kháng cáo: Anh A là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại các bản khai nguyên đơn anh A trình bày: Tôi và chị B kết hôn tháng 5/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, trước khi kết hôn chúng tôi có được tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn tôi và chị B đi Đà Nẵng ở 03 tháng rồi về tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị B mang theo con bỏ về nhà ngoại sinh sống, nhiều lần tôi có đến đón chị B về nhưng chị B không về, vợ chồng cũng sống ly thân từ giữa năm 2016 cho đến nay, từ khi ly thân tôi có gặp chị B để hòa giải mâu thuẫn

nhưng vợ chồng không thể hòa giải. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với chị B.

Về con chung: Tôi và chị B có 01 con chung cháu Q, sinh ngày 11/3/2016, hiện nay con chung đang ở với chị B từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay tôi đang làm Trưởng phòng kinh doanh của Công ty TNHH АД Thái Nguyên, văn phòng tại xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, thu nhập hàng tháng khoảng 16.733.750đ, ngoài ra tôi còn kinh doanh quán cà phê tại nhà. Về chỗ ở hiện nay tôi có 01 thửa đất và 01 căn nhà xây trên đất tại Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện Đ.

Về tài sản: Tôi và chị B không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Tại các bản khai bị đơn chị B trình bày: Tôi và anh A kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn chúng tôi có được tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn tôi và anh A đi Đà Nẵng ở khoảng 03 tháng, trong thời gian này anh A đi làm và có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, tôi phát hiện ra có khuyên bảo thì anh A chửi bới, đánh đập tôi. Khi tôi mang thai được khoảng 8 tháng thì anh A đánh tôi. Vợ chồng ở Đà Nẵng được khoảng 03 tháng thì tôi về tổ dân phố X, thị trấn Y ở để sinh con, anh A vẫn ở ĐN làm việc. Khi tôi mới sinh con, con hay ốm đau phải đi bệnh viện thì anh A và gia đình anh A không quan tâm, chăm sóc con tôi, tôi có gọi anh A về để cùng chăm sóc con thì anh A không về mà còn mắng chửi tôi, người nhà anh A có những lời lẽ xúc phạm tôi và gia đình tôi. Khi tôi và con từ bệnh viện về thì gia đình anh A gỡ hết ảnh cưới xuống và khóa hết đồ dùng của con tôi trong tủ không cho tôi sử dụng, anh A khi đó vẫn đi làm, anh A và gia đình anh A ít quan tâm, chăm sóc tôi và con. Do đó đến tháng 7/2016 tôi phải mang theo con về nhà bố mẹ tôi ở để bà ngoại phụ chăm con khi đó đang ốm. Tôi ở nhà ngoại được hơn 01 tháng thì anh A đến nhà tôi để đón con về mà không nói với tôi, anh A cũng không đón tôi về mà chỉ muốn mang con đi, tôi không đồng ý, do đó vợ chồng xảy ra cãi vã, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay, từ khi vợ chồng ly thân anh A cũng không chu cấp gì cho con, chỉ thi thoảng gửi cho con được hộp sữa, không quan tâm, chăm sóc gì cho con và anh A cũng không gặp tôi để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh A xin ly hôn tôi cũng nhất trí ly hôn với anh A.

Về con chung: Tôi và anh A có 01 con chung Q, sinh ngày 11/3/2016. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ tháng. Hiện nay con chung đang ở cùng tôi tại thành phố H, cháu đang học tại Trường mầm non S, đường L, phường C, quận NQ, thành phố HP, do tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tôi đang làm tại Cửa hàng Salon tóc ĐT tại số nhà 127C, đường L, phường C, quận NQ, thành phố HP. Thu nhập bình quân hàng tháng là 11.000.000đ/ tháng. Tôi không nhất trí để anh A nuôi con do con còn nhỏ và hay ốm đau, cần có mẹ chăm sóc. Mặt khác anh A thường phải đi tua du lịch do anh có làm công việc hướng dẫn

viên du lịch ở trong Đà Nẵng, thường phải đi xa, không có thời gian chăm sóc con.

Về tài sản: Tôi và anh A không có tài sản chung, không có tài sản cho vay.

Với nội dung trên, tại bản án số 84/2019/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu anh A, cho anh A được ly hôn chị B.

2. Về con chung: Giao con chung là Q, sinh ngày 11/3/2016 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp anh A, chị B có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh A cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng/ 1 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp anh A, chị B có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về quyền thăm nom con chung: Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/11/2019 nguyên đơn anh A có đơn kháng cáo, không nhất trí giao con chung Q cho chị B nuôi dưỡng. Anh A cho rằng anh có đủ điều kiện chăm sóc con chung hơn chị B, chị B làm nhân viên cho cửa hàng thời trang tóc ĐT không có thời gian chăm sóc con, nơi ở tại cửa hàng tóc thời trang nên không đảm bảo về sức khỏe, đó không phải là chỗ ở ổn định, đảm bảo cuộc sống và điều kiện sống lâu dài cho con. Về trình độ văn hóa, chị B không có trình độ chuyên môn sư phạm nên việc dạy dỗ con không bằng anh. Anh Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh A giữ nguyên nội dung kháng cáo. Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên trong đơn xin xử vắng mặt chị B không nhất trí để anh A trực tiếp nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của anh A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh A làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh A đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh A và chị B trong quá trình chung sống có một con chung là Q, sinh ngày 11/3/2016, hiện nay chị Khánh đang trực tiếp chăm sóc cháu Q. Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, anh A và chị B đều có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Q.

Cháu Q sinh ngày 11/3/2016, tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm cháu B được 3 tuổi 11 tháng, còn nhỏ hiện đang được chị B trực tiếp chăm sóc và đang học tại Trường mầm non S, đường L, phường C, quận NQ, thành phố HP (có xác nhận của hiệu trưởng trường mầm non và cô giáo chủ nhiệm lớp). Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế, điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung của các bên và giao cho chị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục con Q, sinh ngày 11/3/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh A cho rằng chị B không đủ điều kiện để chăm sóc con chung là không có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của anh A đề nghị được nuôi con chung Q, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh A phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh A, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 84/2019/HNGĐ -ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228 và Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 BLDS; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu anh A, cho anh A được ly hôn chị B.

2. Về con chung: Giao con chung là Q, sinh ngày 11/3/2016 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp anh A, chị B có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh A cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng/ 1 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp anh A, chị B có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về quyền thăm nom con chung: Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về tài sản: Không xem xét

4. Về án phí: Anh A phải nộp 300.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000 đồng từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012728 ngày 11/4/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, theo biên lai thu số 0013055 ngày 18/11/2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương